

NGƯỜI THÁI VÀ NGƯỜI HMÔNG VỚI ĐẠO CÔNG GIÁO VÀ ĐẠO TIN LÀNH Ở MIỀN NÚI THANH HÓA

VŨ TRƯỜNG GIANG^(*)

Miền núi Thanh Hóa là một khu vực rộng lớn với diện tích 7.893 km², chiếm 3/4 diện tích toàn tỉnh, có 11 huyện với 220 xã, 1.878 làng bản; trong đó có 105 xã vùng cao, 15 xã biên giới. Cùng với những lớp cư dân bản địa đầu tiên, quá trình thiên di và giao thoa văn hóa trong suốt chiều dài lịch sử đã tạo nên những dân tộc thiểu số có bản sắc văn hóa riêng ở miền núi Thanh Hóa ngày nay. Đó là các tộc người Thái, Mường, Thổ, Hmông, Dao, Khơ Mú... Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi trình bày vấn đề: *Sự biến đổi tôn giáo, tín ngưỡng trong đời sống tinh thần của người Thái và người Hmông ở khu vực này của tỉnh Thanh Hoá.*

1. Người Thái ở miền núi Thanh Hoá với đạo Công giáo

Theo tổng điều tra dân số ngày 1 - 4 - 1999, người Thái ở miền núi Thanh Hóa có số dân 210.908 người với hai nhóm tự gọi là Tày và Tày Dọ. Nhóm tự gọi là Tày phân bố chủ yếu ở các huyện Quan Hoá, Quan Sơn, Mường Lát, Bá Thước, Lang Chánh...; nhóm tự gọi là Tày Dọ tập trung chủ yếu ở các huyện Thường Xuân, Như Xuân, Như Thanh... Một bộ phận lớn của nhóm này sinh sống trên địa bàn miền núi tỉnh Nghệ An (các huyện Quế Phong, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp...). Các nhóm

Thái đến đất Thanh Hoá từ các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Hoà Bình và cả ở Lào sang. Thời gian di cư của các nhóm này không đồng nhất, nhóm có mặt sớm nhất cách đây khoảng 600 - 700 năm⁽¹⁾.

Nếu so sánh ta sẽ thấy nhóm tự gọi là Tày (cùng Tày Thanh, Tày Mười của Nghệ An), về mặt ngôn ngữ và văn hoá gần gũi với người Thái Đen ở Tây Bắc. Nhóm tự gọi là Tày Dọ có nhiều nét tương đồng với người Thái Trắng ở Tây Bắc. "Riêng danh xưng Tày Dọ có thể có mối liên hệ với các địa danh Mường Xo (Lai Châu), Mường Do (Vân Nam - Trung Quốc) xưa kia"⁽²⁾. Cũng có ý kiến cho rằng: "Dọ" có nghĩa là tạm, chẳng hạn "dú dọ" (ở tạm). Rất có thể "Dọ" là để chỉ những bộ phận Thái mới chuyển cư đến, lúc đầu chỉ xin ở tạm, sau đó mới định cư lâu dài⁽³⁾. Về danh xưng Tày Đeng, qua khảo sát của chúng tôi cho thấy người

*. ThS., Phân viện Hà Nội, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Lê Sỹ Giáo. *Lần tìm cội nguồn lịch sử người Thái Thanh Hóa*. Tạp chí *Dân tộc học*, số 2 - 1995.

2. Lê Sỹ Giáo. *Đặc điểm phân bố các tộc người ở miền núi Thanh Hóa*. Tạp chí *Dân tộc học*, số 2 - 1991, tr. 37 - 43.

3. Vi Văn An. *Góp thêm tư liệu về tên gọi và lịch sử cư trú của các nhóm Thái vùng đường 7 tỉnh Nghệ An*. Tạp chí *Dân tộc học*, số 2 - 1993, tr. 52 - 56.

Tày Đeng là người Thái ở Mường Đeng. Nghĩa của "Đeng" (hay Đanh) là "đỏ". Do vậy, lâu nay chúng ta nhầm và gọi là Thái Đỏ như gọi Thái Đen, Thái Trắng. Nay xác định nhóm Thái này tự nhận là Tày Đăm (Thái Đen)⁽⁴⁾.

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, ở miền núi Thanh Hóa tồn tại 4 mường⁽⁵⁾ của người Thái. Trong số đó có 4 mường lớn, tiêu biểu cho 4 tiểu vùng không gian văn hóa của người Thái ở miền núi Thanh Hóa là mường Ca Da (huyện Quan Hóa), mường Khoong (huyện Bá Thước), mường Đeng (huyện Lang Chánh) và mường Chiềng Ván (huyện Thường Xuân)⁽⁶⁾.

Đạo Công giáo được du nhập vào Thanh Hóa (huyện Tĩnh Gia) từ năm 1627⁽⁷⁾, nhưng gần 250 năm sau, năm 1876 mới du nhập được vào vùng người Thái ở miền núi Thanh Hóa (vùng mường Đeng thuộc huyện Lang Chánh)⁽⁸⁾. Nếu xét về nguyên nhân theo đạo Công giáo của người Thái ở mường Đeng, ta sẽ thấy một bộ phận nhỏ (Tạo⁽⁹⁾ và chức dịch) tự nguyện theo đạo Công giáo vì quyền lợi cá nhân. Còn lại, đa số người lao động Thái theo đạo vì mưu sinh. Chẳng hạn, nếu thiếu tiền, hết thóc thì ra nhà thờ vay và không phải trả lãi. Khi ốm đau, bệnh tật, ra nhà thờ khám bệnh và lĩnh thuốc (cho không) về dùng. Nếu có điều gì oan ức mà Tạo mường không giải quyết hoặc giải quyết không thoả đáng thì người dân có thể ra nhà thờ nhờ linh mục can thiệp. Trường học do nhà thờ mở (học đến lớp 3), mỗi bản ở mường Đeng được cử một học sinh (thường là con em của Tạo), các mường lân cận như mường Ngày, mường Đôn (nay thuộc xã Lâm Phú), mường Giao Lão (nay thuộc xã Giao An) đều thuộc huyện Lang Chánh..., mỗi mường được cử một học sinh. Mặc dù theo đạo Công giáo nhưng người dân không từ bỏ tín ngưỡng truyền thống của mình.

Chẳng hạn, khi trong nhà có người chết thì phải mời linh mục đến "rửa tội", nhưng sau đó lại mời mo và tiến hành tang lễ theo phong tục truyền thống; trước khi cưới phải ra nhà thờ làm lễ và khi về nhà lại tổ chức cưới bình thường; khi Tạo mường phạt vạ ai thì người đó cũng phải ra nhà thờ "xưng tội" để linh mục "rửa tội"⁽¹⁰⁾.

Vào những thập kỷ đầu của thế kỷ XX, Giáo phận Công giáo Thanh Hoá bao gồm tỉnh Thanh Hóa và tỉnh Hòa Bình (Lào), ở khu vực có người Thái sinh sống thuộc các huyện Lang Chánh, Thường Xuân (đều là các huyện miền núi có đồng người Thái cư trú và có đường biên giới quốc gia với Lào) đã từng có nhà thờ của đạo Công giáo.

Trong quá trình tồn tại, theo thời gian và những biến động của lịch sử, xã hội, các tín đồ đạo Công giáo là người Thái đã dần "nhập đạo" và hiện nay đa số đã trở về với tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống của dân tộc mình.

4. Vũ Trường Giang. *Đôi điều suy nghĩ về truyền thống lịch sử và tính cách con người vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh*. Tạp chí *Nghiên cứu con người*, số 6 - 2003, tr. 39 - 44.

5. Mường là đơn vị hành chính cao nhất trong tổ chức xã hội truyền thống của người Thái ở miền núi Thanh Hóa.

6. Xem thêm: Vũ Trường Giang. *Không gian văn hóa Thái và phong trào Cán Vương chống Pháp của người Thái ở miền núi Thanh Hóa cuối thế kỷ XIX*. Tạp chí *Khoa học Xã hội*, số 11 - 2004, tr. 78 - 82.

7. Hoàng Tuấn Phổ. *Một số ý kiến về thờ cúng, tín ngưỡng tôn giáo ở Thanh Hóa*. Trong: *Văn hóa làng Thanh Hóa* (Kỷ yếu Hội thảo khoa học), Sở Văn hóa Thông tin Thanh Hóa, 1990, tr. 207.

8. R. Robert. *Notes sur les Tày đeng de Lang Chánh* (Thanh Hóa - An nam), Hanoi imprimerie d'Extrême - Orient, 1941, p. 119.

9. Tạo là người đứng đầu Mường.

10. Xem thêm: Vũ Trường Giang. *Thiết chế bản mường của người "Tày Đeng" ở Lang Chánh (Thanh Hóa)*. Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 3 - 2000, tr. 74.

2. Người Hmông ở miền núi Thanh Hoá với đạo Công giáo và đạo Tin Lành

Tìm hiểu về lịch sử cư trú của người Hmông ở miền núi tỉnh Thanh Hóa, tác giả H. Le Breton viết: "Người ta gặp trên vùng núi tỉnh Thanh Hóa một số người Mèo và Mán. Đây là những cư dân mới từ Trung Quốc dời sang Đông Dương gần đây nhất, vào khoảng giữa thế kỉ trước (tức thế kỉ XIX - VTG), hình như là sau các cuộc tàn sát man rợ của người Tàu vào thời kì đó ở vùng Quý Châu... Người ta luôn thấy họ trên các đỉnh núi cao. Do thói quen du canh du cư, rất khó có số lượng của họ. Khi đất khai thác bởi phương pháp làm rẫy không còn có thể gieo trồng được nữa, toàn bộ lạc di chuyển đi đốt một góc rừng mới. Trong tỉnh Thanh Hóa, họ tụ cư gần vùng Mường Lát, tại các tổng Lục Canh và Hữu Thủy của châu Quan Hóa"¹¹. Cũng có ý kiến cho rằng người Hmông di cư tới miền núi Thanh Hóa và Nghệ An sớm hơn: "... Người Mèo (tức người Hmông - VTG) ở khu vực miền núi Thanh - Nghệ tập trung đông nhất là vùng Mường Xén (Nghệ An) và Quan Hóa (Thanh Hóa). Họ từ các vùng Thượng Lào và Tây Bắc Việt Nam di cư vào các địa phương trên cách đây khoảng chừng hơn 200 năm. Người Mèo ở miền núi Thanh - Nghệ gồm có hai ngành: ngành Mèo Hoa còn gọi là Mèo Lài và ngành Mèo Trắng còn gọi là Mèo Khao"¹².

Người Hmông có mặt ở miền núi Thanh Hóa từ bao giờ? Người già trong làng kể lại rằng tổ tiên của họ tới vùng này khoảng 5 - 7 đời. Nếu một đời người khoảng 20 - 25 năm (sinh ra, lấy vợ, có con) thì người Hmông di cư đến Thanh Hóa sớm nhất khoảng giữa thế kỉ XIX và muộn nhất khoảng những thập kỉ đầu của thế kỉ XX¹³.

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, người Hmông ở Thanh Hóa có khoảng 500 người¹⁴; năm 1960 có 1.235 người¹⁵; theo điều tra dân số năm 1979 có 2.606 người; năm 1985 có 3.066 người; năm 1989 có 3.638 người với 3 ngành là Hmông Trắng, Hmông

Hoa, Hmông Đen, và cư trú thành 14 bản ở 3 xã là Pù Nhi (12 bản), 2 xã Tam Chung và Quang Chiêu mỗi xã có 1 bản (các xã này đều thuộc huyện Quan Hóa)¹⁶.

Từ những năm đầu thập kỉ 90 thế kỉ XX, dòng người Hmông di cư tự do từ các tỉnh phía Bắc như Sơn La, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Cao Bằng... tràn vào các huyện Mường Lát và Quan Hóa của tỉnh Thanh Hoá. Chỉ trong vòng 10 năm (1989 - 1999) số dân Hmông đã tăng đột biến, từ 3.638 người lên 13.863 người (theo tổng điều tra dân số ngày 1 - 4 - 1999). Người Hmông chọn những nơi rừng đầu nguồn, đất tốt, có nguồn nước... trong đó tập trung chủ yếu ở 3 xã Trung Lý, Mường Lý, Tam Chung (huyện Mường Lát) và 2 xã Phú Sơn, Trung Thành (huyện Quan Hóa). Do cuộc sống nghèo đói, phương thức canh tác của người Hmông chủ yếu là đốt rừng làm rẫy nên đã làm cho tài nguyên rừng ngày càng cạn kiệt, môi trường tự nhiên ngày càng bị tàn phá... Việc di cư tự do đã tác động tới nhiều mặt của đời sống chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng và gây nên những biến đổi nhất định trong văn hóa truyền thống của tộc người này.

Người Hmông bản địa ở miền núi Thanh Hóa không theo đạo Công giáo và đạo Tin Lành. Hai tôn giáo này theo dòng người Hmông di cư tự do từ các tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Hòa Bình, Cao Bằng... vào miền núi Thanh Hóa trong những năm từ 1989 đến nay, với số lượng ngày càng lớn và phạm vi ngày càng rộng.

11. Le Breton. *La Province de Thanh Hoa*. Hanoi, La Revue Indochinoise, 1918, P. 20.

12. Mạc Đường. *Các dân tộc miền núi Bắc Trung Bộ - Sự phân bố dân cư và những đặc trưng văn hóa*. Nxb Khoa học, Hà Nội 1964, tr. 43 - 44.

13. Tài liệu điển dã của tác giả tại huyện Quan Hóa năm 1994.

14. Ban Dân tộc Thanh Hóa. *Giới thiệu 40 năm dân tộc Hmông Thanh Hóa (1945 - 1985)*, Hồ sơ số 57, năm 1985, Lưu trữ UBND tỉnh Thanh Hóa.

15. Mạc Đường. *Sđd*, tr. 21.

16. Năm 1996, huyện Quan Hóa được chia thành 3 huyện: Quan Hóa, Quan Sơn, Mường Lát.

Đến tháng 4 - 2002, trong tổng số 8.526 khẩu người Hmông di cư tự do có 733 hộ/4.579 khẩu theo đạo Công giáo và đạo Tin Lành.

Các hộ theo đạo Công giáo có 163 hộ/1.102 khẩu, tập trung chủ yếu ở bản Suối Tôn (xã Phú Sơn, huyện Quan Hóa) và bản Ba Búa (xã Trung Lý, huyện Mường Lát); ngoài ra còn có một số hộ ở xen trong các bản Chánh Cộng, Cá Giàng (xã Trung Lý) và xã Trung Thành (huyện Quan Hóa).

Các hộ theo đạo Tin Lành có 570 hộ/3.477 khẩu và trong 5 xã có người Hmông di cư tự do đều có hoạt động của đạo Tin Lành, nhưng tập trung chủ yếu ở 19 bản của 3 xã Tam Chung, Mường Lý, Trung Lý (huyện Mường Lát).

Hầu hết các gia đình người Hmông theo đạo Tin Lành không có bản thờ tổ tiên. Vào chủ nhật hằng tuần, tất cả người Hmông theo đạo đều không đi làm mà ở nhà nghe đài đọc kinh và cầu nguyện. Cũng có khi họ tập trung về một gia đình nào đó để sinh hoạt tôn giáo.

Trong tất cả các bản có đạo Tin Lành đã thành lập chi hội có Ban Chấp sự và trưởng, phó nhóm theo lứa tuổi. Mỗi Ban Chấp sự hay nhóm đạo có thư kí và thủ quỹ. Điểm đáng chú ý là tổ chức của đạo Tin Lành ngày càng được củng cố, mặc dù số người theo đạo không tăng. Tổ chức này luôn tìm mọi cách để cô lập những người không theo đạo: không có quan hệ hôn nhân, không có sự giúp đỡ giữa người Hmông theo đạo và người Hmông không theo đạo. Thậm chí, có những bản còn đặt quy ước: trong bản có nhiều hộ theo đạo thì số còn lại buộc phải theo đạo; hộ nào mới đến phải theo đạo, nếu chưa theo đạo phải chấp thuận theo đạo mới được cư trú. Quy ước này do một số đối tượng đứng đầu nhóm hay Ban Chấp sự đặt ra và họ khống chế hoạt động của bản. Một số bản như bản Xi Lồ, bản Muống (xã Mường Lý) thì trưởng bản là trưởng nhóm đạo nên việc này được thực hiện triệt để⁽¹⁷⁾.

Có thể nói rằng “người Hmông luôn bị động trong quá trình tiếp nhận đạo Tin Lành. Cũng do kém hiểu biết mà người Hmông còn bị o ép, cưỡng chế, thậm chí còn bị hãm hại vì lí do tôn giáo... Người Hmông không thể nhận biết được mục đích của những người truyền đạo, mà chỉ thấy tôn giáo mới có lợi về vật chất, thuận tiện, đơn giản, không bị ràng buộc khắt khe thì dễ nghe theo. Họ không biết được mình đang bị lợi dụng, mê hoặc bởi những hình tượng siêu hình mê tín...”⁽¹⁸⁾. Sở dĩ có một bộ phận người Hmông ở miền núi Thanh Hoá từ bỏ tín ngưỡng truyền thống để theo đạo Công giáo và đạo Tin Lành, theo chúng tôi, vì những nguyên nhân dưới đây.

Một là, đồng bào các dân tộc thiểu số, đặc biệt là người Hmông, cư trú ở những vùng biên giới, núi cao, hệ thống điện, đường, trường, trạm không có hoặc thiếu, nền kinh tế chủ yếu là tự cấp tự túc, đời sống vật chất, tinh thần... gặp rất nhiều khó khăn. Trong điều kiện đó, đồng bào dễ bị tuyên truyền, vận động theo đạo.

Hai là, phong tục của người Hmông còn rất phức tạp, rườm rà trong nghi thức và tốn kém trong chi phí, đặc biệt là trong đám cưới, đám ma... Đây là một gánh nặng kinh tế khi họ còn chật vật với “bát cơm manh áo” hằng ngày. Theo đạo, đồng bào hi vọng sẽ trút bỏ được gánh nặng về kinh tế này. Mọi nghi lễ được tổ chức đơn giản, gọn nhẹ ở những tín đồ theo đạo Công giáo hoặc đạo Tin Lành.

Ba là, người Hmông là cư dân nông nghiệp trồng lúa nước ở trung lưu sông Dương Tử, với một quốc gia khá hùng mạnh, trình độ phát triển khá cao. Do

17. Báo cáo của Ban Dân tộc và Miền núi tỉnh Thanh Hóa, tháng 10 năm 2002.

18. Lương Thị Thoa. *Quá trình du nhập đạo Tin Lành - Vàng Chử vào dân tộc Hmông trong những năm gần đây*. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 2 - 2001, tr. 55.

những nguyên nhân của lịch sử hàng nghìn năm, người Hmông trở thành cư dân du canh du cư với nền kinh tế nương rẫy và mất đi vốn văn hoá gốc của mình. Họ đã bị lạc hậu hoá, mặc cảm hóa với thân phận của mình và bị hắt hủt trong tâm lí, niềm khát khao chính là sự huy hoàng của quá khứ tộc người¹⁹.

Bốn là, toàn bộ vùng Đông Nam Á lục địa và nam Trung Quốc có khoảng 3 triệu người Hmông, nhưng họ lại cư trú trên một địa bàn rất rộng lớn của vùng biên giới 5 nước là Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Thái Lan, Myanma. Không gian sinh tồn và tâm lí cố kết cộng đồng rất chặt chẽ đã làm cho người Hmông có ý thức về đồng tộc, thân tộc nổi trội hơn ý thức về chính trị, ranh giới quốc gia. Điều này thật ngẫu nhiên trùng hợp với quan niệm của những nhà truyền giáo, bởi họ rất mong tôn giáo của họ vượt qua mọi ranh giới chính trị, lãnh thổ quốc gia²⁰.

Năm là, người Hmông có truyền thống lâu đời về thờ cúng tổ tiên, nhưng một bộ phận cư dân bị khủng hoảng niềm tin do "*không thấy tổ tiên phù hộ cho đỡ khổ*". Họ có nhu cầu về một "*niềm tin*" mới ở một "*dấng tối cao có quyền năng*" có thể giúp họ khỏi đói khổ. Do vậy, đồng bào từ bỏ tín ngưỡng truyền thống để đến với một tôn giáo mới là "*Vàng Chữ*" - sự hoá thân của Giêsu.

Sáu là, chiến dịch truyền đạo Tin Lành vào đồng bào Hmông lúc đầu được các nhà truyền giáo phát qua đài bằng tiếng Hmông từ đài phát thanh đặt ở nước ngoài. Ban đầu chương trình của đài này chỉ là những bài hát, những làn điệu dân ca Hmông, dần dần họ mới hướng dẫn và giảng giải một số nghi lễ, giáo lí, dạy thánh ca đã được dân ca hoá nên người nghe dễ hiểu, dễ nhớ. Bên cạnh đó, có một số người Hmông đã theo đạo đi sâu vào các bản làng để giảng đạo nên đồng bào càng dễ tin và dễ theo.

Bảy là, chúng ta có nhiều cơ quan làm công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo, nhưng nhiều chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, người dân không nắm được, đặc biệt là ở các vùng cao. Mặt khác, đội ngũ cán bộ dân tộc cơ sở còn thiếu và yếu, trình độ dân trí rất thấp. Theo số liệu điều tra năm 1999 có 68,99% người Hmông mù chữ (tỉ lệ % so với tổng số dân từ 5 tuổi trở lên của từng dân tộc).

3. Đôi lời nhận xét

Trước hết, quá trình du nhập của đạo Công giáo vào vùng người Thái ở miền núi Thanh Hóa gắn liền với việc tìm kiếm thị trường, xâm lược, bình định và thống trị của Pháp ở Việt Nam nói riêng và Đông Dương nói chung trong thế kỉ XIX và những thập kỉ đầu của thế kỉ XX.

Thứ hai, quá trình du nhập của đạo Công giáo và đạo Tin Lành vào vùng người Hmông ở miền núi Thanh Hóa gắn liền với dòng người Hmông di cư tự do từ các tỉnh miền núi phía Bắc vào miền núi Thanh Hóa từ năm 1989 đến nay. Hiện nay quá trình này vẫn đang diễn biến phức tạp và tác động tới nhiều mặt của đời sống chính trị, xã hội, văn hóa, an ninh, quốc phòng... ở miền núi Thanh Hóa.

Thứ ba, dân tộc và tôn giáo là những vấn đề phức tạp và nhạy cảm. Giải quyết vấn đề này cần quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước về dân tộc và tôn giáo, đồng thời, phải căn cứ vào tình hình cụ thể của từng vùng, từng địa phương, từng dân tộc. Có như thế công tác vận động quần chúng xây dựng đời sống văn hoá mới ở từng thôn, bản mới đạt được kết quả mong muốn, góp phần thực hiện thành công chính sách xoá đói, giảm nghèo ở các vùng dân tộc miền núi, trong đó có miền núi tỉnh Thanh Hoá J.

19. Vương Duy Quang. *Vấn đề người Hmông theo Kitô giáo hiện nay*. Tạp chí *Dân tộc học*, số 4 - 1994, tr 40, 42.

20. Vương Duy Quang. *Bài đã dẫn*, tr 40, 42.